TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Ngũ Quỳnh T (Ngũ Thị Quỳnh T), sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Bố y (Pu y).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, Huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lương Văn C và chị Ngũ Quỳnh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C và chị Ngũ Quỳnh T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Ngũ Quỳnh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lương Văn N, sinh ngày 08/5/2015. Anh Lương Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng một tháng, kể từ tháng 10/2018 cho tới khi con đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn C có trách nhiệm chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng vào tài khoản của chị Ngũ Quỳnh T, số tài khoản: 2800205222501 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 25 hàng tháng. Anh C có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Lương Văn C và chị Ngũ Quỳnh T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lương Văn C tự nguyện chịu án phí dân sự ly hôn là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng anh Cường phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số: BB/2013/05005 ngày 31 tháng 8 năm 2018. Chị Ngũ Quỳnh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H.Q;
- Các đương sự (Để thi hành);
- CC.THADS H.Q (Để thi hành);
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận